

Số: 04/2022/QĐST-DS

Y, ngày 27 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 70/2022/TLST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Anh Hán Văn H, sinh năm 1973
- 2. Chị Ong Thị B, sinh năm 1974

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ong Thị B là anh Hán Văn H.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Nham Biền, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Hoàng Phúc, xã Đồng Phúc, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Vũ Văn T phải trả vợ chồng anh Hán Văn H và chị Ong Thị B số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng). Thời hạn trả là 12 tháng, thời gian trả là ngày 19 hàng tháng, tính từ ngày 19/01/2023 đến 19/12/2023. Cụ thể:

Ngày 19/01/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/02/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/3/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/4/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/5/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ

(mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/6/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/7/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/8/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/9/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/10/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/11/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 16.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/12/2023, anh T phải trả vợ chồng anh H, chị B số tiền 18.500.000đ (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Đến khi anh Vũ Văn T trả hết nợ, anh Hán Văn H, chị Ong Thị B phải trả anh T GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy CH00297 ngày 19/9/2019 của UBND huyện Y cấp cho anh Vũ Văn T đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 119 diện tích 1824m² (đất nông nghiệp) ở thôn Hoàng Phúc, xã Đồng Phúc, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí:

Anh Vũ Văn T phải chịu 5.000.000đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại anh Hán Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.037.000đồng (năm triệu không trăm ba bảy nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009705 ngày 11/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thân Văn Hiếu